

Số: /QĐ-SCT

Khánh Hòa, ngày tháng 10 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, áp dụng các tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

### GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Công Thương; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 29/07/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Công Thương;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 15/05/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Đề án chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 11/05/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Bộ tài liệu hướng dẫn xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Sở Công Thương;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt các tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa theo Danh mục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 83/QĐ-SCT ngày 04/08/2021 của Giám đốc Sở Công Thương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng; Chánh Thanh tra; Trưởng các phòng, đơn vị liên quan và Ban Chỉ đạo ISO Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận (VBĐT):***

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP (HN).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Thị Thu Cúc**

**DANH MỤC**  
**TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /10/2022 của Sở Công Thương)*

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN HTQLCL</b>			
1	Sổ tay chất lượng	STCL	Thư ký ISO và các đơn vị	Cung cấp trên Website
2	Chính sách chất lượng	CSCL	nt	nt
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	nt	nt
4	Quy trình Kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.TLHS	nt	nt
5	Quy trình đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng	QT.ĐGNB	nt	nt
6	Quy trình quản lý rủi ro	QT.QLRR	nt	nt
7	Quy trình cải tiến HTQLCL	QT.CTCL	nt	nt
<b>II</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			
1	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	003.05.001	Thư ký ISO, Phòng QLNL	Cung cấp trên Cổng thông tin điện tử: hanhchinhcong.khanhhoa.gov.vn
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	003.05.002	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
3	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	003.05.003	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
4	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	003.05.004	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
5	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	003.05.005	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
6	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	003.05.006	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
7	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	003.05.007	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	003.05.008	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
9	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực	003.05.009	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
10	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực (trong trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng)	003.05.010	Thư ký ISO, Phòng QLNL	nt
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	003.08.013	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	003.08.015	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	003.08.014	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
14	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	003.08.016	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
15	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	003.08.018	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
16	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	003.08.017	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
17	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	003.08.019	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	003.08.020	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
19	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	003.08.021	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
20	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	003.03.001	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
21	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	003.08.001	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
22	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	003.08.002	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
23	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	003.08.003	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
24	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	003.08.025	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
25	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	003.08.026	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
26	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	003.08.027	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
27	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	003.08.028	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
28	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	003.08.029	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
29	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	003.08.030	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
30	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	003.08.031	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
31	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	003.08.032	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
32	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	003.08.033	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
33	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	003.08.004	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	003.08.005	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
35	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	003.08.006	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
36	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	003.08.034	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	003.01.001	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT, Phòng QLTMXNK	nt
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	003.01.002	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT, Phòng QLTMXNK	nt
39	Thông báo hoạt động khuyến mại	003.11.001	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
40	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	003.11.002	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
41	Đăng ký hoạt động khuyến mại	003.11.003	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Phòng QLTM-XNK	
42	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	003.11.004	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
43	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	003.11.005	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
44	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	003.11.006	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
45	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	003.12.001	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
46	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	003.12.002	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
47	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	003.12.003	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
48	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	003.12.004	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
49	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	003.12.005	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
50	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	003.04.001	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
51	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	003.04.002	Thư ký ISO, Phòng QLTM-XNK	nt
52	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện	003.10.003	Thư ký ISO,	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương		Phòng QLCN&MT	
53	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	003.10.004	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
54	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	003.10.001	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
55	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	003.10.002	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
56	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	003.10.005	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
57	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	003.10.006	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
58	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	003.10.007	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	003.06.002	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
60	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	003.06.003	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	003.06.004	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
62	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	003.06.005	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
63	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	003.06.006	Thư ký ISO, Phòng	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
	trong lĩnh vực công nghiệp		QLCN&MT	
64	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	003.06.007	Thư ký ISO, Phòng QLCN&MT	nt
65	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	003.09.001	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
66	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	003.09.002	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
67	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	003.09.004	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
68	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	003.09.003	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
69	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	003.09.016	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
70	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	003.09.015	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
71	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	003.09.014	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
72	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	003.09.018	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
73	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	003.09.020	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
74	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	003.09.019	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
75	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	003.09.017	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
76	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	003.09.008	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
77	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	003.09.009	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
78	Cấp điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	003.09.013	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
79	Cấp điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup>	003.09.012	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
80	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	003.09.011	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
81	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	003.09.010	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
82	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	003.09.007	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
83	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	003.09.006	Thư ký ISO, Phòng QLTM-	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			XNK	
84	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	003.09.005	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	003.07.001	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
86	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	003.07.003	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
87	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	003.07.002	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	003.07.013	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
89	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	003.07.015	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
90	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	003.07.014	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	003.07.004	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
92	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	003.07.006	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
93	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	003.07.005	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
94	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	003.07.007	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
95	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	003.07.009	Thư ký ISO, Phòng QLTM-	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
			XNK	
96	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	003.07.008	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	003.07.016	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
98	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	003.07.018	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
99	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	003.07.017	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
100	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	003.07.025	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
101	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	003.07.027	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
102	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	003.07.026	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
103	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	003.07.022	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
104	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	003.07.024	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
105	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	003.07.023	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
106	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	003.07.019	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
107	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	003.07.021	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Phân phối, lưu</b>	<b>Ghi chú</b>
108	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	003.07.020	Thư ký ISO, Phòng QLTM- XNK	nt
109	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	003.13.001	Thư ký ISO, Phòng QLCNMT	nt
110	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	003.13.004	Thư ký ISO, Phòng QLCNMT	nt
111	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	003.13.002	Thư ký ISO, Phòng QLCNMT	nt
112	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	003.13.003	Thư ký ISO, Phòng QLCNMT	nt